

QUYẾT ĐỊNH

Quy định hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết về hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 177 của Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp.

2. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai.
3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Đất nông nghiệp chuyển quyền sử dụng đất theo Quyết định này bao gồm đất trồng cây hằng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hằng năm khác), đất nuôi trồng thủy sản, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất là rừng trồng.
2. Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân là diện tích đất nông nghiệp tối đa mà cá nhân được phép nhận chuyển quyền sử dụng đất (thông qua hình thức chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất).

Điều 4. Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân

1. Đất trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản không quá 15 lần hạn mức giao đất tại điểm a khoản 1 Điều 176 của Luật Đất đai (không quá 45 ha).
2. Đất trồng cây lâu năm không quá 15 lần hạn mức giao đất tại khoản 2 Điều 176 của Luật Đất đai (không quá 150 ha).
3. Đất rừng sản xuất là rừng trồng không quá 04 lần hạn mức giao đất tại khoản 3 Điều 176 của Luật Đất đai (không quá 120 ha).
4. Trường hợp cá nhân nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp bao gồm nhiều loại đất nông nghiệp, hạn mức được xác định theo từng loại đất nông nghiệp quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục giải quyết theo hạn mức quy định của Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; Quyết định số 20/2024/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định hạn mức giao đất ở, hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở, hạn mức giao đất chưa sử dụng, hạn mức công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang và hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 05 tháng 5 năm 2026.
2. Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang Quy định hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân trên địa bàn tỉnh Tiền Giang hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.
3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh;

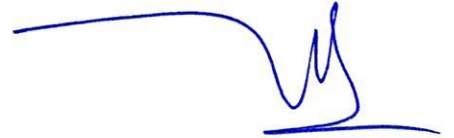
Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các tổ chức; hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các địa phương, đơn vị phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /-*mal*

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tư pháp, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Báo và Đài PT&TH tỉnh;
- Trung tâm lưu trữ - Sở Nội vụ;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Sở Tư pháp để đăng tải “Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh”
- Lưu VT, P.KT (Nhật Tân).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN*mal*
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Phước Thiện